

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ đơn giá đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách sản xuất chương trình truyền hình tuyên truyền nhiệm vụ chính trị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ, quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực Báo chí, Xuất bản;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ, Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2019 và áp dụng từ năm ngân sách 2019;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định về phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình;



Căn cứ Quyết định số 2470/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành danh mục, thời lượng, chương trình đặt hàng truyền nhiệm vụ chính trị tỉnh Kiên Giang năm 2021 trên sóng truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 52/TTr-STTTT ngày 24 tháng 5 năm 2021; thẩm định của Sở Tài chính tại Công văn số 832/STC-QLGCS ngày 14 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ đơn giá đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách sản xuất chương trình truyền hình truyền nhiệm vụ chính trị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (đính kèm Bộ đơn giá).

Điều 2. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh (Đảng, chính quyền, đoàn thể); Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký/ *Đang*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của QĐ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, ltrtram

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Lưu Trung
Nguyễn Lưu Trung



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BỘ ĐƠN GIÁ ĐẶT HÀNG CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC SẢN XUẤT
CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH TUYÊN TRUYỀN NHIỆM VỤ
CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1428/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn giá sản phẩm hàng hóa, dịch vụ do UBND tỉnh đặt hàng	Ghi chú
01	Sản xuất chương trình thời sự, thời lượng 15 phút (sử dụng tư liệu 30% - 40%.	7.110.317	
02	Sản xuất chương trình thời sự, 20 phút (25 phút); Sử dụng tư liệu 0%.	12.925.054	
03	Sản xuất chương trình thời sự, 20 phút; Sử dụng tư liệu 30 - 40%.	8.548.959	
04	Sản xuất chương trình thời sự, 20 phút; Sử dụng tư liệu 50 - 70%.	6.266.524	
05	Sản xuất chương trình chuyên đề, chuyên mục, 15 phút; Sử dụng tư liệu 0%.	9.541.329	
06	Sản xuất chương trình thời sự quốc tế, 10 phút; Sử dụng tư liệu 0%.	1.924.129	
07	Sản xuất chương trình thể thao quốc tế 10 phút; sử dụng tư liệu 0%.	1.924.129	
08	Sản xuất chương trình tọa đàm 45 phút; sử dụng tư liệu 0%	15.836.226	
09	Sản xuất chương trình trực tiếp 90 phút; sử dụng tư liệu 0%	38.758.605	
10	Sản xuất chương trình trực tiếp 120 phút; sử dụng tư liệu 0%	39.933.752	
11	Sản xuất chương trình trực tiếp 150 phút; sử dụng tư liệu 0%	41.112.084	



	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn giá sản phẩm hàng hóa, dịch vụ do UBND tỉnh đặt hàng	Ghi chú
12	Sản xuất chương trình trực tiếp 180 phút; sử dụng tư liệu 0%	42.005.028	
13	Sản xuất chương trình thời sự tiếng Khmer 15 phút; sử dụng tư liệu 30 - 40%	7.110.317	
14	Sản xuất chương trình tạp chí văn hóa nghệ thuật Khmer 15 phút; sử dụng tư liệu 0%	17.182.367	
15	Sản xuất chương trình tin nhanh 18 giờ thời lượng 10 phút	4.932.000	
16	Sản xuất chương trình Dự báo thời tiết đất liền và thời tiết biển, thời lượng 10 phút	3.000.000	

Đơn giá hàng hóa, dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và lợi nhuận./.